

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/11/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Lý;

Bà Nguyễn Thị Mai;

- T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - T ký Toà án nhân dân huyện T, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125 /2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/10/2022, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Chị Trương Thị Tr, sinh năm 1987; có mặt;

Nơi ĐKKHKT: Thôn 5, xã T, huyện T, Thành phố H;

Nơi cư trú: Số 31, ngõ 99/110/66 Định Công Hạ, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố H.

****Bị đơn:*** Anh Nguyễn Tài T, sinh năm 1980; vắng mặt;

Nơi ĐKKHKT: Thôn 5, xã T, huyện T, Thành phố H;

Hiện đang chấp hành án tại Trại Giam Thanh Xuân (phân trại 1);

Địa chỉ: Thôn Thiên Đông, xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, Thành phố H;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào đơn khởi kiện, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trương Thị Tr trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tài T tự nguyện đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Quang, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An) ngày 09/12/2005. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng do anh T bị Tòa án kết án 20 năm về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Năm 2013 anh T đi chấp hành án, vợ chồng sống ly thân từ đó. Do vợ chồng sống ly thân lâu ngày nên tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt, không còn tình cảm với nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 19/9/2006. Sau ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí đã nộp.

Tại bản tự khai 17/10/2022 anh Nguyễn Tài T trình bày:

Anh và chị Trương Thị Tr kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, Thành phố H và có một con chung. Nay chị Tr đề nghị ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 19/9/2006. Anh đồng ý giao con cho vợ là chị Trương Thị Tr nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do hiện nay anh đang đi chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con, sau này chấp hành án xong anh sẽ có trách nhiệm với chị Tr cùng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về trình tự thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, T ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do bị đơn đang chấp hành án. không thể tham gia hòa giải được nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được. Thẩm phán không tiến hành thủ tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chị Tr và anh T kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống tuy vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng do anh T vi phạm pháp luật hiện đang đi chấp hành án nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn anh T cũng đồng ý. Vì vậy, đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 51,56,57,81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình:

-Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, xử chị Trương Thị Tr ly hôn anh Nguyễn Tài T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 19/9/2006 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Tài T đến khi chị Tr có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không đề nghị nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trương Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Anh Nguyễn Tài T có đăng ký hộ khẩu Thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại xã T, huyện T, Thành phố H nên chị Trương Thị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Tài T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Tài T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]- Về hôn nhân: Chị Trương Thị Tr và anh Nguyễn Tài T kết hôn hợp pháp ngày 09 tháng 12 năm 2025 tại Ủy ban nhân dân phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống, chị Tr và anh T đều xác định vợ chồng không có mâu thuẫn. Tuy nhiên, do anh T vi phạm pháp luật và bị kết án 20 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, năm 2013 anh T đi chấp hành án và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Việc vợ chồng sống xa nhau lâu ngày dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không có hạnh phúc. Nay chị Tr yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý. Xét yêu cầu ly hôn của chị Tr, thấy tuy vợ chồng không có mâu thuẫn, nhưng anh Thắng đi chấp hành án thời gian dài đã ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, anh Thắng không có điều kiện để xây dựng hạnh phúc gia đình, do vậy mục đích của hôn nhân không đạt được, chị Tr yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Tài Thắng là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]- Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Tr và anh Nguyễn Tài T có một con chung là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 19/9/2006. Hiện cháu đang do chị Tr nuôi dưỡng. Sau ly hôn, chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện anh T đang đi chấp hành án nên anh T đồng ý giao con cho chị Tr nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Thị Minh T cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của cháu T và điều kiện hoàn cảnh hiện nay của anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T cho đến khi chị Tr có yêu cầu. Anh T được quyền thăm nuôi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4]- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trương Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[6]- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Tr và anh Nguyễn Tài T ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 19/9/2006 cho chị Trương Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tài T có quyền, nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cho anh Nguyễn Tài T đến khi chị Trương Thị Tr có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Tr và anh Nguyễn Tài T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số 0025530 ngày 12/10/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- UBND phường Quang Tiến, TX Thái Hòa, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Thu Thủy

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã Hữu Bằng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Ngọc Sơn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã Hữu Bằng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Ngọc Sơn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Bình;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Ngọc Sơn